

PHIẾU ÔN TẬP TOÁN: CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

Họ và tên: Lớp:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (15 CÂU)

- Số 85 đọc là:
A. Tám mươi lăm B. Tám lăm C. Tám mươi năm D. Tám năm
- Số gồm 7 chục và 4 đơn vị là:
A. 47 B. 74 C. 70 D. 704
- Số lớn nhất có hai chữ số là:
A. 10 B. 90 C. 99 D. 100
- Số liền sau của 69 là:
A. 68 B. 70 C. 71 D. 60
- Số tròn chục lớn hơn 50 và bé hơn 70:
A. 40 B. 60 C. 80 D. 55
- Thứ tự từ bé đến lớn:
A. 12, 54, 33 B. 12, 33, 54 C. 90, 54, 33 D. 33, 12, 54
- Số năm mươi tư viết là:
A. 504 B. 45 C. 54 D. 50
- Số 96 gồm:
A. 9 chục, 6 đv B. 6 chục, 9 đv C. 90 chục, 6 đv D. 9 và 6
- Số bé nhất trong các số 71, 17, 70, 77:
A. 71 B. 17 C. 70 D. 77
- Kết quả $40 + 8$ là:
A. 408 B. 84 C. 48 D. 44
- Số liền trước của 10 là:
A. 11 B. 10 C. 9 D. 8
- Số tròn chục nhỏ hơn 100:
A. 8 số B. 9 số C. 10 số D. 7 số
- Số 21 đọc là:
A. Hai mươi một B. Hai một C. Hai mươi mốt D. Hai mốt
- $60 + 5$ $50 + 6$:
A. > B. < C. = D. K.có dấu
- Số nằm giữa 88 và 90 là:
A. 87 B. 91 C. 89 D. 99

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Điền số và đọc số:



Số: Đọc là:

Bài 2. Viết số hoặc đọc số thích hợp vào chỗ chấm:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| 1. Bảy mươi lăm: | 2. Số 44 đọc là: |
| 3. Năm mươi một: | 4. Số 81 đọc là: |
| 5. Tám mươi tư: | 6. Số 15 đọc là: |
| 7. Sáu mươi lăm: | 8. Số 99 đọc là: |

Bài 3. Điền dấu (> , < , =) thích hợp vào ô trống:

- | | |
|-----------------|----------------|
| 1. 45 54 | 2. 78 87 |
| 3. 91 90 | 4. 66 66 |
| 5. 100 99 | 6. 32 23 |
| 7. 50 50 | 8. 19 21 |

Bài 4. Cho thẻ số 5, 0, 7:

- Các số có 2 chữ số:
- Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 5. Cấu tạo số:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Số 79 gồm: chục, đv | 2. Số 30 gồm: chục, đv |
| 3. Số 55 gồm: chục, đv | 4. Số 100 gồm: chục, đv |
| 5. Số 92 gồm: chục, đv | 6. Số 8 gồm: chục, đv |
| 7. Số 11 gồm: chục, đv | 8. Số 64 gồm: chục, đv |

Bài 6. Số liền trước, liền sau, lớn nhất, bé nhất:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1. Số liền trước của 80 là: | 2. Số liền sau của 99 là: |
| 3. Số liền trước của 1 là: | 4. Số liền sau của 49 là: |
| 5. Số lớn nhất có 2 chữ số: | 6. Số bé nhất có 2 chữ số: |
| 7. Số bé nhất có 1 chữ số: | 8. Số tròn chục bé nhất: |

